

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên,
bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn
tỉnh Lào Cai năm 2021**

Căn cứ Nghị quyết số 01- NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03- NQ/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc ban hành 18 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Đề án số 09-ĐA/TU ngày 11/12/2010 của Tỉnh ủy về việc phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 79 /KH-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2021, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Việc triển khai thực hiện Đề án phải đảm bảo đúng với quan điểm, mục tiêu, định hướng của đề án đã được Tỉnh ủy ban hành nhằm hoàn thành các mục tiêu của đề án đã đặt ra.

II. Mục tiêu

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề án giai đoạn 2021-2025, trong năm 2021 việc triển khai thực hiện đề án phải đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1. Về tài nguyên đất.

- Hoàn thành và phê duyệt phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021-2025) cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất.

- Phấn đấu đến 30/9/2021 hoàn thành Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

- Hoàn thành việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai và triển khai đo đạc diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác có hiệu quả gắn với giao rừng trên địa bàn các huyện, thành phố Lào Cai.

- Phấn đấu 100% các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp...được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

- Phấn đấu trong năm 2021 rà soát và đưa vào quản lý toàn bộ diện tích quỹ đất công trên địa bàn tỉnh của các loại đất: Đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đất dự trữ phát triển do nhà nước tạo ra đã hoàn thành GPMB, đất xen kẹt trong khu dân cư, đất lỗi, đất các trụ sở hành chính, trường học, y tế, chợ, bến xe và đất các cụm công nghiệp ...

- Năm 2021 tổng thu tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước đạt trên 2.950 tỷ đồng.

2. Về tài nguyên khoáng sản.

- Hoàn thành việc rà soát, xác định các khu vực có khoáng sản để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo VLXD đáp ứng nhu cầu xây dựng trong giai đoạn tới.

- Thực hiện việc cấp quyền khai thác khoáng sản chế biến và chế biến sâu thông qua hình thức đấu giá khoáng sản; thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản khoảng 1.540 tỷ đồng/năm, và tạo công ăn việc làm cho 10.000 người lao động trong lĩnh vực khai thác, trong đó:

+ Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dự kiến thu ngân sách khoảng 40 tỷ đồng.

+ Đối với khoáng sản như: Quặng sắt, đồng, apatit, caolan, ... dự kiến thu ngân sách khoảng 1.500 tỷ.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh cho 30 điểm khai thác khoáng sản.

- Phân đầu 20% các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh lắp đặt trạm cân, camera quản lý giám sát sản lượng khai thác khoáng sản theo quy định.

- Thành lập Tổ Giám sát hoạt động các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Về tài nguyên nước.

- Triển khai thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; phân đầu 70% các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép trên địa bàn tỉnh được ngăn chặn.

- 50% các sông suối chính trên địa bàn toàn tỉnh được xây dựng hệ thống cảnh báo lũ tương ứng với các mức lũ theo cấp báo động.

- Hoàn thành phương án quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp quy hoạch chung cấp tỉnh.

- Thu từ tài nguyên nước cho ngân sách trong năm đạt từ 600 tỷ đồng trở lên.

4. Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học.

- *Bảo vệ môi trường đô thị:* Tiếp tục kiểm soát nguồn thải phát sinh từ các khu đô thị nhằm đạt 70% và 90% tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế được xử lý. Đầu tư nâng cấp, ứng dụng công nghệ trong xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị nhằm nâng tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị đạt 90%.

- *Bảo vệ môi trường công nghiệp:* Tiếp tục Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Hệ thống XLNT tập trung; xử lý chất thải rắn; quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải); 100% các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải tập trung trước khi đi vào vận hành; 100% các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; 100% dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định.

- *Bảo vệ môi trường nông thôn:* Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý đạt 75%; đảm bảo 60% số xã đạt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Hoàn thành Lập, hoàn thành Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào quy hoạch chung cấp tỉnh.

5. Về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác quan trắc, giám sát nguồn nước xuyên biên giới như nước sông Hồng, sông Chảy; đối với các khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh xây dựng vận hành các trạm quan trắc, kịp thời xử lý các sự cố xảy ra trên địa bàn.

Hoàn thành trình phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của các ngành và lĩnh vực: Tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông, nước sạch và vệ sinh môi trường, văn hóa thể thao và du lịch

Tăng cường hệ thống kè sông, suối chống sạt lở bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ hạ tầng cơ sở, ổn định quỹ đất phục vụ sản xuất, kinh doanh.

(Có phụ biểu chi tiết 01 kèm theo)

III. Giải pháp thực hiện

1. Tổ chức tập huấn cho cán bộ, lãnh đạo làm công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH từ cấp tỉnh đến cấp xã, doanh nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh cũng như thường xuyên tuyên truyền pháp luật các văn bản quản lý tài nguyên và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (các cơ quan báo chí, đài, hệ thống phát thanh truyền hình,...) đến đông đảo bà con nhân dân.

2. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường theo từng lĩnh vực nhằm từng bước nâng cao về chất lượng nguồn nhân lực cũng như đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3 Tăng cường kiểm tra công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là đối với cơ sở; tổ chức thanh tra công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Chú trọng công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh..., ưu tiên bố trí tối thiểu 10% kinh phí của nguồn thu từ đất để thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cấp, các ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước để xảy ra vi phạm mà không được xử lý kịp thời.

5. Tăng cường sự phối hợp và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH. Rà soát, ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và địa phương trên nguyên tắc xác định rõ trách nhiệm cơ quan đầu mối bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

6. Công khai minh bạch các thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết các thủ tục về đất đai, khoáng sản, môi trường... nghiên cứu giảm các thủ tục về đất đai

tạo điều kiện cho các doanh nghiệp người dân trong quá trình tiếp cận dễ dàng trong quá trình thực hiện.

7. Tăng cường công tác kiểm tra để giám sát về nguồn gốc, sản lượng khoáng sản sau khai thác nhằm trách thất thu cho ngân sách.

8. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước ở các cấp, tổ chức thanh tra, kiểm tra toàn diện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, đa dạng sinh học tại cấp huyện theo thẩm quyền. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường (*đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường*) và các chỉ tiêu về đa dạng sinh học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động quan trắc, các trạm giám sát, cảnh báo sớm các thiên tai theo hướng tự động hiện đại và đồng bộ trên nền tảng ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin, internet giám sát chất lượng môi trường.

10. Tập trung xử lý môi trường khu công nghiệp; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường nông thôn; xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải.

11. Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ môi trường trên địa bàn tỉnh bằng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc giám sát, quan trắc tự động trong giám sát nguồn thải, giám sát chất lượng môi trường cần tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như:

- Đảm bảo tất cả các nguồn thải có nguy cơ cao ảnh hưởng đến môi trường được kiểm soát từ xa qua hệ thống quan trắc nguồn thải online từ doanh nghiệp và các trạm quan trắc môi trường xung quanh (*không khí đô thị; nước mặt, không khí xung quanh gần khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh, như KCN Tăng Loóng*);

- Tăng cường và mở rộng các hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường nền tại các khu công nghiệp, đô thị trọng điểm và lưu vực sông chính.

- Tích hợp cơ sở dữ liệu giám sát tự động với cơ sở dữ liệu giám sát đô thị thông minh của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho công tác quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường.

IV. Nhu cầu nguồn vốn thực hiện

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện đề án

- Nhu cầu vốn thực hiện đề án trong năm 2021 dự kiến: 258.960 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn NSTW: 40.000 triệu đồng.
- Vốn NSDP: 159.172 triệu đồng.
- Vốn ODA: 52.088 triệu đồng.
- Vốn ngoài ngân sách: 7.700 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết phân bổ nguồn vốn và các dự án thành phần số 02, 03 kèm theo).

V. Phân công nhiệm vụ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Đề án. Căn cứ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện và thường xuyên đôn đốc, báo cáo kết quả triển khai đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện đề án phù hợp với ngân sách địa phương để bảo đảm thực hiện Đề án và các dự án có hiệu quả; nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường trong sản xuất, kinh doanh; đầu tư vào lĩnh vực xử lý, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quản lý rủi ro thiên tai, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chống sa mạc hóa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi phù hợp với điều kiện của BĐKH.

4. Sở Công Thương: Chủ trì tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch khoáng sản; phối hợp trong công tác quản lý môi trường và hoá chất. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Sở Giao thông vận tải và Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố trong việc quy hoạch xây dựng.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, quản lý đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

7. Đề nghị Đảng, Đoàn, HĐND tỉnh: Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện Đề án này.

VI. Chế độ báo cáo

Giao Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 09 Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2021. Trong quá trình triển khai thực hiện cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh, thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. *.NV*

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, KT1.

Fau

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



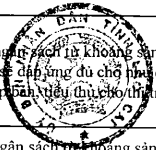
Trịnh Xuân Trường



BIỂU MẪU SỐ 01
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN SỐ 09-ĐA/TU NGÀY 11/12/2020 TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ
TÀI NGUYÊN BÀO SƠ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM
2021
(Kèm theo Kế hoạch số 122 /KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQDH XVI	Mục tiêu Đề án 2021- 2025	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2021
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(5)
	<i>Về tài nguyên đất</i>				
1	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt	%		100%	100%
2	Các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất ở và đất phi nông nghiệp khác được đo đạc lập bản đồ địa chính diện tích cần đo vẽ	%		>95%/năm	>95%/năm
3	Các loại đất cần được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng	%		90%/năm	90%/năm

4	 Tập hợp hồ sơ đất đai, giá đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các huyện/ thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được quản lý và xây dựng xong cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh.	%		100%	100%
5	Diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác có hiệu quả gắn với giao rừng	%		100%	50%
6	Các Ban quản lý rừng phòng hộ, vườn Quốc gia Hoàng Liên, các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên hoàn thành việc giao đất, giao rừng để quản lý	%		100%	30%
7	Các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp được giao đất đảm bảo đúng quy định.	%		100%	50%
8	Tổ chức thực hiện và quản lý các quỹ đất công trên địa bàn tỉnh theo quy định	%		100%	80%
	<i>Về tài nguyên khoáng sản</i>				
9	Thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản, trong đó:	Tỷ đồng		≥11500	≥2300/năm

	 + Thu ngân sách từ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sẽ đáp ứng đủ cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh và cung cấp bán, tiêu thụ cho thị trường các tỉnh trong khu vực	Tỷ đồng		Từ 50 đến 100 tỷ đồng/năm	Từ 50 đến 100 tỷ đồng/năm
	+ Thu ngân sách từ khoáng sản như: quặng sắt, đồng, apatit, caolanh	Tỷ đồng/năm		≥11000	≥2.200
10	Lắp đặt các trạm cân, camera đầu nối với các cơ quan chuyên môn trong quá trình quản lý giám việc thất thoát tài nguyên khoáng sản	%		80%	25%
	<i>Về tài nguyên nước</i>				
11	Hệ thống trạm quan trắc nước mặt, nước dưới đất được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 169/QĐ-UBND	%		100%	50%
12	Triển khai thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước các nguồn nước phải cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước	%		50%	30%
13	Các sông suối chính trên địa bàn toàn tỉnh được xây dựng hệ thống cảnh báo lũ tương ứng với các mức lũ theo cấp báo động	%		100%	50%
14	Thu ngân sách từ tài nguyên nước	Tỷ đồng/năm		≥2500	≥600

	Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học				
15	Các khu đô thị đạt khu đô thị xanh	%		≥90%	90%
16	Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia	%	95	95%	95%
17	Các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải tập trung trước khi đi vào vận hành	%		100%	100%
18	Các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường	%		100%	100%
19	Dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định	%		100%	100%
20	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom	%	80	80%	75%



Phụ biểu 03

TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỐ 09-ĐA/TU NGÀY 11/12/2020 VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ
LÀI NGUYÊN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2021

(Phân kỳ nguồn vốn)

(Kèm theo Kế hoạch số 122 /KH- UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

DVT : Tr. đồng

ĐVT : T. đồng																				
STT	Danh mục dự án	Mục tiêu đạt được	Thời gian TII-III	Tổng số theo Đề án	Tổng cộng nguồn vốn năm 2021	Phân theo nguồn vốn thực hiện năm 2021													Chủ đầu tư	Ghi chú
						Nguồn vốn ngân sách								Vốn đầu tư của các doanh nghiệp		Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác			
						Tổng số	Dầu tư NSDP	Vốn sự nghiệp NSDP	Vốn CT MTQ G	NSTW hỗ trợ có MT	Vốn vay ODA	Dầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Vốn tự có của DN	Vốn vay (tín dụng)					
A	B	C		1		2= 3+4+...+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	Tổng cộng			965.012	258.960	251.260	8.000	151.172		40.000	52.088			??	??		7.700			
1	Về lĩnh vực đất đai			419.378	132.810	127.810	??	75.722			52.088						5.000	Sở TNMT		
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" (Dự án VILG)		2017-2021	77.044	65.110	65.110		13.022			52.088							Sở TNMT		
2	Đề án " Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào giai đoạn 2021-2025.		2021-2025	214.134	55.000	50.000		50.000									5.000	Sở TNMT		
3	Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh.		2021	3.500	3.500	3.500		3.500										Sở TNMT		

6	Xây dựng Cơ sở dữ liệu kho địa điểm của 8 huyện (huyện Yên Bái, Pa. Bả, Mường, Mường, Mường, Mường, Mường, Mường); (huyện Yên Bái, Pa. Bả, Mường, Mường, Mường, Mường, Mường, Mường);	Nhằm quản lý tài liệu, hồ sơ địa chính trong quá trình thực hiện công tác quản lý đất đai và thực hiện trong quá trình tra cứu hồ sơ địa chính ứng yêu cầu quản lý địa điểm công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý đất đai	2021-2024	55.000	7.000	7.000	7.000										Sở TNMT
7	Nâng cấp hệ thống phần mềm cấp phát tư liệu trắc địa.	Nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu khai thác điểm tọa độ độ cao các cấp để phục vụ đo đạc địa chính, đo đạc địa hình, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh ...	2021	1.000	1.000	1.000	1.000										Sở TNMT
8	Phương án phân bổ và phân vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện phải phù hợp với quy hoạch tỉnh Lào Cai. Làm cơ sở làm cơ sở phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện và làm cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện đầu tư triển khai các dự án, công trình thúc đẩy sự phát triển của các ngành; đảm bảo an ninh, quốc phòng; khai thác nguồn vốn và điều tiết các lợi ích từ đất; khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giải quyết các nhu cầu về nhà ở, đất ở ổn định đời sống của nhân dân, ổn định chính trị xã hội	2021	1.200	1.200	1.200	1.200										Sở TNMT

II	Về lĩnh vực quản lý khoáng sản		13.000	500	500		500											Sơ TNMT
3	Điều tra cơ bản về chất lượng khoáng sản và địa chất địa tầng, địa mạo, địa chất công trình và sử dụng tài nguyên môi trường địa chất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021	500	500	500		500											Sơ TNMT
III	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường		431.684	94.600	91.900	8.000	43.900		40.000					-??			2.700	
1	Dầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải tự động môi trường tại khu công nghiệp Tầng Lũng huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và 02 xe quan trắc lưu động chất lượng môi trường không khí tại thành phố Lào Cai và Thị xã Sa Pa	2021-2023	100.000	50.000	50.000		25.000		25.000									Sơ TNMT
2	Dầu tư nâng cấp thiết bị phòng thí nghiệm quan trắc môi trường	2021-2023	58.000	30.000	30.000		15.000		15.000									Sơ TNMT

4	 Đề án "Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025"	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cộng đồng dân cư về thực trạng và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa, đặc biệt là sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; Từng bước làm thay đổi hành vi, thói quen sản xuất, tiêu thụ, xử lý, thải bỏ sản phẩm nhựa; Tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân và sự phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh.	2020-2025	19.184	4.100	1.400	1.400							2.700	Số TNMT
7	Khảo sát, điều tra thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loại ngoại lai xâm hại		2021-2022	3.000	2.500	2.500	2.500								Số TNMT
11	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải 30 tấn/rác/ngày đêm, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.		2021-2023	18.000	6.000	6.000	6.000								Số TNMT
12	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các bãi rác thải sinh hoạt được xây dựng theo chương trình nông thôn mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật		2021-2025	12.000	2.000	2.000	2.000								Số TNMT
IV	Về lĩnh vực nước, ứng phó với biến đổi khí hậu			100.950	31.050	31.050	-??	31.050		-??				-??	

1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Đầu tư xây dựng hệ thống thu nhận, lưu trữ dữ liệu và phân tích quản lý dữ liệu phục vụ quản lý giám sát tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2021	2.500	2.500	2.500	2.500										Sở TNMT
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến động và sử dụng tài nguyên nước liên quan tới biến đổi khí hậu, tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, quan trắc chất lượng, số lượng trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước		2021	5.000	5.000	5.000	5.000										Sở TNMT
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Lào Cai		2021-2022	3.500	3.500	3.500	3.500,0										Sở TNMT
7	Thống kê, rà soát thông tin, dữ liệu về thích ứng với biến đổi khí hậu, tổn thất và thiệt hại, đề xuất phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho các ngành và địa phương xây dựng kế hoạch PTKTXH phù hợp và thích ứng với biến đổi khí hậu		2021-2022	5.000	3.500	3.500	3.500										Sở TNMT
9	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ	2021-2023	8.900	2.500	2.500	2.500										Sở TNMT
10	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn Lào Cai phục vụ công tác quản lý.		2021-2023	6.500	2.500	2.500	2.500										Sở TNMT



Phụ biểu 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 09-ĐA/TU NGÀY 11/12/2020 TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỦNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Tr.đồng

TT	Nội dung đầu tư của đề án	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025			Năm 2021		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN
(A)	(B)	965.012	17.934	17.934	4	5	6
	Tổng cộng	947.078	818.738	128.340	258.960	251.260	7.700
I	Về lĩnh vực đất đai	407.444	397.444	10.000	132.810	127.810	5.000
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" (Dự án VILG)	77.044	77.044	-	65.110	65.110	
2	Đề án " Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào giai đoạn 2021-2025.	214.134	204.134	10.000	55.000	50.000	5.000
3	Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh,	3.500	3.500	-	3.500	3.500	
6	Xây dựng CSDL kho điện tử của 8 huyện, tỉnh Lào Cai(Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát);	55.000	55.000	-	7.000	7.000	
7	Nâng cấp hệ thống phần mềm cấp phát tư liệu trắc địa.	1.000	1.000	-	1.000	1.000	
8	Phương án phân bổ và phân vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	1.200	1.200	-	1.200	1.200	
II	Về lĩnh vực quản lý khoáng sản	7.000	7.000	-	500	500	-??



1	Điều tra cơ bản về chất lượng môi trường không khí và phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	500	500	-	500	500	
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu chất lượng sản phẩm Lào Cai						
III	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường	431.684	313.344	118.340	94.600	91.900	2.700
1	Đầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải tự động môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai và 02 xe quan trắc lưu động chất lượng môi trường không khí tại thành phố Lào Cai và Thị xã Sa Pa	100.000	100.000	-	50.000	50.000	
2	Đầu tư nâng cấp thiết bị phòng thí nghiệm quan trắc môi trường	58.000	58.000	-	30.000	30.000	
4	Đề án "Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025"	19.184	4.844	14.340	4.100	1.400	2.700
7	Khảo sát, điều tra thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loài ngoại lai xâm hại	3.000	3.000	-	2.500	2.500	
11	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải 30 tấn/ ngày đêm, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.	18.000	18.000	-	6.000	6.000	
12	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các bãi rác thải sinh hoạt được xây dựng theo chương trình nông thôn mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	12.000	12.000	-	2.000	2.000	
IV	Về lĩnh vực nước, ứng phó với biến đổi khí hậu	100.950	100.950	-	31.050	31.050	-??
1	Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.500	2.500	-	2.500	2.500	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến động và sử dụng tài nguyên nước liên quan tới biến đổi khí hậu, tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, quan trắc chất lượng, số lượng trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước	5.000	5.000	-	5.000	5.000	
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Lào Cai	3.500	3.500	-	3.500	3.500	
7	Thống kê, rà soát thông tin, dữ liệu về thích ứng với biến đổi khí hậu, tổn thất và thiệt hại, đề xuất phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho các ngành và địa phương xây dựng kế hoạch PTKTXH phù hợp và thích ứng với biến đổi khí hậu	5.000	5.000	-	3.500	3.500	

9	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai	8.900	8.900	-	2.500	2.500	
10	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn Lào Cai phục vụ công tác quản lý.	6.500	6.500	-	2.500	2.500	
12	Đầu tư thiết bị hỗ trợ kỹ thuật phục vụ xử lý dữ liệu quan trắc môi trường	22.000	22.000		11.000	11.000	
13	Phương án quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	550	550	-	550	550	